**PHIẾU LUYỆN TẬP MÔN HÓA 9 – PHIẾU SỐ 03**

**Phần A – Trắc nghiệm**

**Câu 1**: Hòa tan NaOH vào 200g H2O để thu được dung dịch có nồng độ 8%. Khối lượng NaOH cần dùng là

A. 17,39g B. 17g C.22g. D.17,3g.

**Câu 2**: Dung dịch NaOH phản ứng được với chất nào dưới đây?

A. NaHSO4, Na2SO4, MgSO4, C6H5CH2Cl.

B. KHCO3, Ba(HCO3)2, C6H5OH, CH3COONa.

C. NaHCO3, CO2, Cl2, Al(OH)3.

D.Na2CO3, NaHSO3, CuCl2, KHCO3.

**Câu 3**: Có các dung dịch riêng biệt : MgCl2, BaCl2, FeCl2, Ba(HCO3)2, Al2(SO4)3, ZnCl2, KHCO3, Fe(NO3)3. Khi cho dung dịch NaOH dư vào từng dung dịch thì số chất kết tủa thu được là:

A. 6 B. 8 C. 7 D. 5

**Câu 4 *(Dạng hỗn hợp)***: Cho 6,08g hỗn hợp NaOH, KOH phản ứng hết với dung dịch HCl sinh ra 8,3g hỗn hợp muối. Khối lượng mỗi hiđroxit trong hỗn hợp lần lượt là:

A. 1,6g và 4,48g B. 0,8g và 5,28g

C. 3,2g và 2,88g D. 2,4g và 3,68g.

 **Câu 5 *(Dạng dư thừa)*:** Trộn 100ml dung dịch H2SO4 1,1M với 100ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch A. Cho vào dung dịch A 1,35g Al thì thu được thể tích H2 ở đktc là:

A. 1,22 lít. B. 2,24 lít. C. 1,68 lít. D. 1,344 lít.

**Câu 6**: Dung dịch X có thể tích 300ml chứa Ca(OH)2 0,3M có thể hấp thụ tối đa bao nhiêu lít CO2 (đktc)?

A. 2,016 lít. B. 4,032 lít. C. 2,688 lít. D. 0,672 lít.

**Câu 7**: Trộn 2 lít dung dịch NaOH 4M vào 1 lít dung dịch NaOH 0,5M. Nồng độ dung dịch mới là:

**A.** 2,82M. **B**. 2,81M. **C**. 2,83M. **D**. Tất cả.

**Câu 8**: Trong dãy các oxit sau, dãy oxit nào tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ ?

A. Na2O, SO2, SO3. C. SO2, CaO, NO.

B. Na2O, BaO, CaO. D. MgO, SO2, CuO.

**Câu 9**: Thể tích dung dịch HCl 0,5M cần dùng để trung hòa 80ml dung dịch NaOH 1M là :

A. 170ml. B. 160ml. C. 210ml. D. 180ml.

**Câu 10**: Trong các bazơ sau bazơ nào dễ bị nhiệt phân hủy: KOH, NaOH, Cu(OH)2, Fe(OH)2, Fe(OH)3.

A. KOH, Cu(OH)2, Fe(OH)3. B. Cu(OH)2, Fe(OH)2, Fe(OH)3.

C. NaOH, Fe(OH)2, Fe(OH)3. D. KOH, NaOH, Fe(OH)2.

**Câu 11 *(Dạng dư thừa)***: Cho 0,1 mol khí CO2 đi qua dung dịch chứa 0,2 mol NaOH. Sản phẩm thu được là

A. NaHCO3. B. Na2CO3.

C. Na2CO3 và NaHCO3. D. không xác định.

**Câu 12 *(Dạng dư thừa)***: Hòa tan 4g NaOH vào dung dịch chứa 9,8g H2SO4 thu được dung dịch A. Vậy pH của dung dịch A là:

 A. PH<7. B. pH=7. C. pH>7. D. không xác định.

**Câu 13**: Trung hòa 100ml dung dịch H2SO4 1,5M bằng dung dịch NaOH 1,7%. Khối lượng dung dịch NaOH cần dùng là:

A. 120g. B. 12g. C. 7,0588g. D. 705,88g.

**Câu 14 *(Dạng hỗn hợp)***: Khử hoàn toàn 16g hỗn hợp 2 oxit là CuO và PbO bằng khí CO ở nhiệt độ cao. Khí sinh ra sau phản ứng được dẫn vào bình đựng dung dịch Ca(OH)2 dư thu được 10g kết tủa. Khối lượng Cu và Pb thu được là:

A. 14,4g. B. 16g. C. 8g. D. 6g.

**Câu 15**: Khối lượng của NaOH có trong 200ml dung dịch NaOH 2M là:

A. 16g. B. 23g. C. 12g. D. 1,6g.

**II. BÀI TẬP TỰ LUẬN VỀ:**

**Bài 1:** Cho các chất sau đây: **Mg(OH)2 , CaCO3, CaO, Ca(OH)2, Ca(HCO3)2, CaCl2 , SO3, H3PO4, Cu(OH)2, CuO, CO2, NaCl, Fe2O3, P2O5, Na2O, HCl, FeCl3, NaOH, Na2CO3****, Fe(OH)3 , NaHCO3.**

a) Những chất nào là bazơ tan trong nước? Gọi tên từng chất.

b) Những chất nào là bazơ không tan trong nước? Gọi tên từng chất.

**Bài 2:** Hãy viết các PTHH thực hiện chuyển hóa:

(1)

(2)

(3)

(4)

(5)

(6)

(7)

(8)

(9)

(10)

(11)

 FeCl3 Fe(OH)3 Fe2O3 Fe

Fe

 FeCl2 Fe(OH)2 FeSO4

Ca CaO Ca(OH)2 CaCO3 CaCl2